

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ



**GIÁO TRÌNH**  
**LUẬT DÂN SỰ VIỆT NAM (PHẦN 1)**

**Ngành: Luật và Luật Kinh tế**

**TÊN CHỦ BIÊN: ThS. NGUYỄN CHÍ DŨNG – ThS. MAI KIM HÂN**

Cần Thơ, tháng 8 năm 2024

Lưu hành nội bộ

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ

**GIÁO TRÌNH**  
**LUẬT DÂN SỰ VIỆT NAM (PHẦN 1)**

**Ngành: Luật và Luật Kinh tế**

**CHỦ BIÊN: ThS. NGUYỄN CHÍ DŨNG – ThS. MAI KIM HÂN (Đồng chủ biên)**

Cần Thơ, tháng 8 năm 2024

**Lưu hành nội bộ**

## LỜI MỞ ĐẦU

Bộ luật Dân sự năm 2015 đã được Quốc hội khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015, có hiệu lực vào ngày 01 tháng 01 năm 2017. Bộ luật bao gồm có 689 Điều, chia làm 6 phần với 27 chương. BLDS đã quy định địa vị pháp lý, chuẩn mực pháp lý về cách ứng xử cho các chủ thể trong giao lưu dân sự, nhằm bảo đảm sự ổn định, lành mạnh các quan hệ dân sự, tạo hành lang pháp lý cho nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa phát triển.

Nhằm mục đích nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học, cung cấp thêm một nguồn tài liệu phục vụ cho các giảng viên, học viên và sinh viên nghiên cứu, học tập, nhóm tác giả biên soạn Giáo trình luật dân sự Việt Nam phần 1. Nội dung cơ bản của Giáo trình bao gồm có 7 chương:

- Chương 1: Khái quát chung về luật dân sự
- Chương 2: Quan hệ pháp luật dân sự
- Chương 3: Chủ thể của quan hệ pháp luật dân sự
- Chương 4: Đại diện, thời hạn và thời hiệu
- Chương 5: Giao dịch dân sự
- Chương 6: Pháp luật về tài sản, quyền sở hữu và quyền khác đối với tài sản
- Chương 7: Pháp luật về quyền thừa kế tài sản

Mặc dù đã rất cố gắng trong quá trình biên soạn nhưng chắc chắn rằng Giáo trình này sẽ không tránh khỏi những thiếu sót. Vì vậy, nhóm tác giả rất mong nhận được sự đóng góp của các đồng nghiệp và quý bạn đọc để qua đó nhóm tác giả có thể điều chỉnh, bổ sung nhằm hoàn thiện hơn nữa trong những lần tài bản sau này.

## MỤC LỤC

### LỜI MỞ ĐẦU

|   |           |
|---|-----------|
| <b>Chương 1: KHÁI QUÁT CHUNG VỀ LUẬT DÂN SỰ VIỆT NAM.....</b>                     | <b>1</b>  |
| 1.1 ĐỐI TƯỢNG ĐIỀU CHỈNH VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU CHỈNH CỦA LUẬT DÂN SỰ.....           | 1         |
| 1.1.1 Đối tượng điều chỉnh .....  | 1         |
| 1.1.2. Phương pháp điều chỉnh của luật dân sự .....                               | 4         |
| 1.2. KHÁI NIỆM LUẬT DÂN SỰ VÀ PHÂN BIẾT LUẬT DÂN SỰ VỚI CÁC NGÀNH LUẬT KHÁC ..... | 6         |
| 1.2.2. Phân biệt luật dân sự với các ngành luật khác .....                        | 6         |
| 1.3. KHOA HỌC LUẬT DÂN SỰ.....  | 8         |
| 1.4. NGUỒN CỦA LUẬT DÂN SỰ .....  | 8         |
| 1.5. ÁP DỤNG LUẬT DÂN SỰ .....  | 9         |
| 1.5.1. Khái niệm áp dụng luật dân sự .....  | 9         |
| 1.5.2. Quá trình áp dụng luật dân sự .....  | 9         |
| 1.5.3. Nội dung áp dụng luật dân sự .....   | 10        |
| 1.6. ÁP DỤNG TẬP QUÁN.....  | 11        |
| 1.6.1. Khái niệm tập quán .....   | 11        |
| 1.6.2. Điều kiện áp dụng tập quán .....   | 11        |
| 1.7. ÁP DỤNG TƯƠNG TỰ LUẬT DÂN SỰ .....   | 12        |
| 1.8. ÁP DỤNG CÁC NGUYÊN TẮC CƠ BẢN CỦA LUẬT DÂN SỰ, ÁN LỆ, LỄ CÔNG BẰNG.....      | 12        |
| <b>CÂU HỎI ÔN TẬP CHƯƠNG.....</b>   | <b>14</b> |
| <b>Chương 2: QUAN HỆ PHÁP LUẬT DÂN SỰ .....</b>                                   | <b>15</b> |
| 2.1. KHÁI NIỆM, TÍNH CHẤT VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA QUAN HỆ PHÁP LUẬT DÂN SỰ .....          | 15        |
| 2.1.1. Khái niệm quan hệ pháp luật dân sự.....                                    | 15        |
| 2.1.2. Tính chất của quan hệ pháp luật dân sự.....                                | 15        |
| 2.1.3. Đặc điểm của quan hệ pháp luật dân sự.....                                 | 16        |
| 2.2. CÁC THÀNH PHẦN CỦA QUAN HỆ PHÁP LUẬT DÂN SỰ.....                             | 17        |

|   |           |
|---|-----------|
| 2.2.1. Chủ thể của quan hệ pháp luật dân sự .....                                 | 17        |
| 2.2.2. Khách thể của quan hệ pháp luật dân sự.....                                | 18        |
| 2.2.3. Nội dung của quan hệ pháp luật dân sự .....                                | 18        |
| 2.3. PHÂN LOẠI QUAN HỆ PHÁP LUẬT DÂN SỰ .....                                     | 19        |
| 2.3.1. Căn cứ vào tính xác định của chủ thể .....                                 | 19        |
| 2.3.2. Dựa vào đối tượng điều chỉnh.....  | 19        |
| 2.3.3. Dựa vào cách thức thực hiện quyền và nghĩa vụ .....                        | 20        |
| 2.3.4. Căn cứ vào phạm vi quyền và phạm vi nghĩa vụ của các chủ thể .....         | 20        |
| 2.4. CĂN CỨ LÀM PHÁT SINH, THAY ĐỔI, CHẤM DỨT QUAN HỆ PHÁP LUẬT DÂN SỰ.....       | 20        |
| 2.4.1. Hành vi pháp lý.....   | 20        |
| 2.4.2. Sự biến pháp lý .....  | 21        |
| 2.4.3. Xử sự pháp lý .....  | 21        |
| 2.4.4. Thời hạn, thời hiệu.....   | 21        |
| 2.4.5. Bản án, quyết định của tòa án hoặc của cơ quan nhà nước có thẩm quyền..... | 22        |
| <b>CÂU HỎI ÔN TẬP CHƯƠNG.....</b>   | <b>22</b> |
| <b>Chương 3: CHỦ THỂ CỦA QUAN HỆ PHÁP LUẬT DÂN SỰ .....</b>                       | <b>23</b> |
| 3.1. CÁ NHÂN – CHỦ THỂ CỦA QUAN HỆ PHÁP LUẬT DÂN SỰ.....                          | 23        |
| 3.1.1. Năng lực pháp luật dân sự của cá nhân.....                                 | 23        |
| 3.1.2. Năng lực hành vi dân sự của cá nhân .....                                  | 28        |
| 3.1.3. Giám hộ.....   | 32        |
| 3.2. PHÁP NHÂN - CHỦ THỂ CỦA QUAN HỆ PHÁP LUẬT DÂN SỰ .....                       | 40        |
| 3.2.1. Khái niệm pháp nhân .....  | 40        |
| 3.2.2. Điều kiện để trở thành pháp nhân .....                                     | 40        |
| 3.2.3. Phân loại pháp nhân .....  | 41        |
| 3.2.4. Năng lực chủ thể của pháp nhân .....                                       | 41        |
| 3.2.5. Người đại diện của pháp nhân .....   | 43        |
| 3.2.6. Các yếu tố lí lịch của pháp nhân .....                                     | 43        |
| 3.2.6. Thành lập, cải tổ, chấm dứt pháp nhân .....                                | 45        |

|  |           |
|--|-----------|
| 3.3. NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM, CƠ QUAN NHÀ NƯỚC Ở TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG.....   | 49        |
| 3.4. HỘ GIA ĐÌNH – CHỦ THỂ CỦA QUAN HỆ PHÁP LUẬT DÂN SỰ.....   | 50        |
| 3.4.1. Khái niệm, đặc điểm của hộ gia đình.....  | 50        |
| 3.4.2. Năng lực chủ thể của hộ gia đình.....   | 50        |
| 3.4.3. Trách nhiệm tài sản của hộ gia đình .....   | 51        |
| 3.5. TỔ HỢP TÁC – CHỦ THỂ CỦA QUAN HỆ PHÁP LUẬT DÂN SỰ .....   | 51        |
| 3.5.1. Khái niệm và các đặc điểm pháp lý của tổ hợp tác.....   | 51        |
| 3.5.2. Năng lực chủ thể của tổ hợp tác.....  | 52        |
| 3.5.3. Thành viên của tổ hợp tác, hợp đồng hợp tác .....   | 53        |
| 3.5.4. Tài sản và trách nhiệm tài sản của tổ hợp tác .....   | 54        |
| 3.5. CÁC TỔ CHỨC KHÁC KHÔNG CÓ TƯ CÁCH PHÁP NHÂN.....  | 54        |
| CÂU HỎI ÔN TẬP CHƯƠNG .....  | 55        |
| <b>Chương 4: ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN VÀ THỜI HIỆU .....</b>   | <b>57</b> |
| 4.1. ĐẠI DIỆN TRONG QUAN HỆ PHÁP LUẬT DÂN SỰ .....   | 57        |
| 4.1.1. Khái niệm, đặc điểm của đại diện.....   | 57        |
| 4.1.2. Chủ thể trong quan hệ đại diện .....  | 58        |
| 4.1.3. Phân loại đại diện.....   | 59        |
| 4.1.4. Hình thức của việc ủy quyền .....   | 60        |
| 4.1.5. Các trường hợp không được đại diện.....   | 60        |
| 4.1.6. Thời hạn và phạm vi đại diện .....  | 60        |
| 4.1.7. Hậu quả của giao dịch do người không có thẩm quyền đại diện xác lập, thực hiện hoặc do người đại diện xác lập, thực hiện vượt quá phạm vi đại ..... | 61        |
| 4.1.8. Chấm dứt đại diện.....  | 63        |
| 4.2. THỜI HẠN .....  | 63        |
| 4.2.1. Khái niệm thời hạn.....   | 63        |
| 4.2.2. Cách tính thời hạn.....   | 63        |
| 4.2.3. Thời điểm bắt đầu và thời điểm kết thúc thời hạn .....  | 64        |
| 4.3. THỜI HIỆU .....   | 65        |
| 4.3.1. Khái niệm thời hiệu.....  | 65        |

|   |           |
|---|-----------|
| 4.3.2. Các loại thời hiệu .....   | 65        |
| 4.3.3. Cách tính thời hiệu .....  | 66        |
| 4.3.4. Thời gian không tính vào thời hiệu khởi kiện .....                                   | 66        |
| 4.3.5. Bắt đầu lại thời hiệu .....  | 67        |
| 4.3.6. Không áp dụng thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự .....                                 | 67        |
| <b>CÂU HỎI ÔN TẬP CHƯƠNG</b> .....  | <b>68</b> |
| <b>Chương 5: GIAO DỊCH DÂN SỰ</b> .....   | <b>69</b> |
| 5.1. KHÁI NIỆM, ĐẶC ĐIỂM CỦA GIAO DỊCH DÂN SỰ .....   | 69        |
| 5.1.1. Khái niệm giao dịch dân sự .....   | 69        |
| 5.1.2. Đặc điểm của giao dịch dân sự .....  | 69        |
| 5.2. PHÂN LOẠI GIAO DỊCH DÂN SỰ .....   | 70        |
| 5.2.1. Hợp đồng.....  | 70        |
| 5.2.2. Hành vi pháp lý đơn phương .....   | 70        |
| 5.2.3. Giao dịch dân sự có điều kiện.....   | 71        |
| 5.3. CÁC ĐIỀU KIỆN CÓ HIỆU LỰC CỦA MỘT GIAO DỊCH DÂN SỰ .....                               | 71        |
| 5.4. HÌNH THỨC CỦA GIAO DỊCH DÂN SỰ VÀ GIẢI THÍCH GIAO DỊCH DÂN SỰ .....                    | 72        |
| 5.4.1. Hình thức giao dịch dân sự .....   | 72        |
| 5.4.2. Giải thích giao dịch dân sự .....  | 72        |
| 5.5. GIAO DỊCH DÂN SỰ VÔ HIỆU .....   | 73        |
| 5.5.1. Khái niệm giao dịch dân sự vô hiệu .....   | 73        |
| 5.5.2. Phân loại giao dịch dân sự vô hiệu .....   | 74        |
| 5.5.3. Các trường hợp giao dịch dân sự vô hiệu .....  | 75        |
| 5.5.4. Hậu quả của giao dịch dân sự vô hiệu .....   | 78        |
| 5.5.5. Thời hiệu yêu cầu tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu .....                            | 78        |
| 5.5.6. Bảo vệ quyền lợi của người thứ ba ngay tình khi giao dịch dân sự vô hiệu.....        | 79        |
| <b>CÂU HỎI ÔN TẬP CHƯƠNG</b> .....  | <b>79</b> |
| <b>Chương 6: PHÁP LUẬT VỀ TÀI SẢN, QUYỀN SỞ HỮU VÀ CÁC QUYỀN KHÁC ĐỐI VỚI TÀI SẢN</b> ..... | <b>81</b> |
| 6.1. KHÁI NIỆM VÀ PHÂN LOẠI TÀI SẢN .....   | 81        |

|  |     |
|--|-----|
| 6.1.1. Khái niệm, đặc điểm và ý nghĩa của khái niệm tài sản.....                   | 81  |
| 6.1.2. Các dạng tồn tại của tài sản .....  | 83  |
| 6.1.3. Phân loại tài sản .....   | 85  |
| 6.2. QUYỀN SỞ HỮU TÀI SẢN.....   | 89  |
| 6.2.1. Khái niệm quyền sở hữu tài sản.....   | 89  |
| 6.2.2. Nguyên tắc xác lập, thực hiện quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản..... | 90  |
| 6.3. CHIẾM HỮU.....  | 90  |
| 6.3.1. Khái niệm chiếm hữu, đặc điểm của chiếm hữu.....                            | 90  |
| 6.3.2. Phân loại chiếm hữu.....  | 92  |
| 6.3.3. Suy luận về tình trạng và quyền của người chiếm hữu.....                    | 93  |
| 6.3.4. Căn cứ phát sinh, chấm dứt chiếm hữu.....                                   | 94  |
| 6.3. QUYỀN SỞ HỮU.....   | 94  |
| 6.3.1. Quyền chiếm hữu.....  | 94  |
| 6.3.2. Quyền sử dụng .....   | 95  |
| 6.3.3. Quyền định đoạt.....  | 96  |
| 6.3.5. Hình thức sở hữu.....   | 96  |
| 6.3.6. Căn cứ xác lập quyền sở hữu .....   | 97  |
| 6.3.7. Căn cứ chấm dứt quyền sở hữu .....  | 102 |
| 6.3.8. Bảo vệ quyền sở hữu.....  | 103 |
| 6.3.9. Các giới hạn của quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản.....              | 108 |
| 6.4. QUYỀN KHÁC ĐỐI VỚI TÀI SẢN .....  | 110 |
| 6.4.1. Khái niệm quyền khác đối với tài sản.....                                   | 110 |
| 6.4.2. Nguyên tắc xác lập, thực hiện quyền khác đối với tài sản.....               | 110 |
| 6.4.3. Quyền đối với bất động sản liền kề .....                                    | 111 |
| 6.5. QUYỀN HƯỞNG DỤNG .....  | 118 |
| 6.5.1. Khái niệm quyền hưởng dụng.....   | 118 |
| 6.5.2. Quyền và nghĩa vụ của người hưởng dụng.....                                 | 119 |
| 6.5.4. Quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu tài sản .....                                | 120 |
| 6.5.5. Quyền hưởng hoa lợi, lợi tức .....  | 120 |
| 6.5.6 Chấm dứt quyền hưởng dụng.....   | 120 |



|  |            |
|--|------------|
| 6.6. QUYỀN BÈ MẶT.....   | 121        |
| 6.6.1. Khái niệm quyền bề mặt .....  | 121        |
| 6.6.2. Hiệu lực và thời hạn của quyền bề mặt.....                                | 121        |
| 6.6.3. Nội dung của quyền bề mặt .....   | 121        |
| 6.6.4. Chấm dứt quyền bề mặt .....   | 121        |
| CÂU HỎI ÔN TẬP CHƯƠNG .....  | 122        |
| <b>Chương 7: PHÁP LUẬT VỀ QUYỀN THỪA KẾ TÀI SẢN .....</b>                        | <b>125</b> |
| 7.1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ THỪA KẾ.....  | 125        |
| 7.1.1. Khái niệm thừa kế.....  | 125        |
| 7.1.2. Mối quan hệ giữa thừa kế với quyền sở hữu .....                           | 126        |
| 7.1.3. Các nguyên tắc của pháp luật thừa kế.....                                 | 126        |
| 7.1.4. Thời điểm mở thừa kế và địa điểm mở thừa kế.....                          | 127        |
| 7.1.5. Di sản thừa kế .....  | 129        |
| 7.1.6. Người để lại di sản thừa kế .....   | 130        |
| 7.1.7. Người thừa kế .....   | 130        |
| 7.1.8. Quản lý di sản thừa kế .....  | 139        |
| 7.1.9. Thời hiệu khởi kiện về thừa kế .....                                      | 140        |
| 7.2. THỪA KẾ THEO DI CHỨC .....  | 140        |
| 7.2.1. Khái niệm thừa kế theo di chúc .....                                      | 140        |
| 7.2.2. Quyền của người lập di chúc .....   | 141        |
| 7.2.3. Các điều kiện để di chúc hợp pháp .....                                   | 141        |
| 7.2.5. Hiệu lực pháp luật của di chúc, di chúc vô hiệu và di chúc thất hiệu..... | 144        |
| 7.2.6. Thừa kế không phụ thuộc vào nội dung của di chúc .....                    | 147        |
| 7.3. THỪA KẾ THEO PHÁP LUẬT .....  | 150        |
| 7.3.1. Khái niệm thừa kế theo pháp luật .....                                    | 150        |
| 7.3.2. Diện thừa kế và hàng thừa kế .....  | 150        |
| 7.3.3. Thừa kế thế vị .....  | 154        |
| 7.3.4. Những trường hợp thừa kế theo pháp luật.....                              | 156        |
| 7.4. THANH TOÀN VÀ PHÂN CHIA DI SẢN.....   | 157        |
| 7.4.1. Hạch toán người thừa kế .....   | 157        |

|   |            |
|---|------------|
| 7.4.2. Người phân chia di sản .....     | 157        |
| 7.4.2. Thứ tự ưu tiên thanh toán.....   | 157        |
| 7.4.4. Phân chia di sản .....           | 158        |
| CÂU HỎI ÔN TẬP CHƯƠNG .....             | 159        |
| <b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....</b> | <b>164</b> |